

Chương 2: PHƯƠNG HƯỚNG, QUY MÔ VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

1. PHƯƠNG HƯỚNG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

1.1. Chuyên môn hóa và sự phối hợp các ngành, SPNN

1.2. Xác định và lựa chọn phương hướng kinh doanh trong cơ sở kinh doanh nông nghiệp

2. QUY MÔ SẢN XUẤT KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

2.1. Tập trung hóa kinh doanh nông nghiệp

2.2. Xác định quy mô sản xuất kinh doanh NN

3. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

3.1. Ý nghĩa và nguyên tắc

3.2. Hệ thống kế hoạch của cơ sở KDNN

3.3. Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch

1. PHƯƠNG HƯỚNG KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

1.1. Chuyên môn hóa và sự phối hợp các ngành, SPNN

1.1.1 CMHSXNN: - Khái niệm: Là hình thức biểu hiện của phân công LĐXH để sản xuất ra sản phẩm theo yêu cầu XH.

- Các hình thức: Chuyên môn hóa theo ngành, chuyên môn hóa theo vùng, chuyên môn hóa theo các cơ sở KDNN và chuyên môn hóa trong nội bộ các cơ sở KDNN.
- Ý nghĩa: Sử dụng hợp lý các nguồn lực trên phạm vi xã hội và trong từng cơ sở KDNN; nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động; áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, tăng sức cạnh tranh...
- Đặc điểm: Chuyên môn hóa gắn với phát triển tổng hợp, vì yêu cầu sử dụng đầy đủ, hợp lý nguồn lực; Hạn chế tính thời vụ, hạn chế rủi ro và tạo sự gắn kết giữa các ngành, các khâu của sản xuất nông nghiệp

1.1.2. Các ngành và nguyên tắc phối hợp các ngành

- **Khái niệm các ngành trong doanh nghiệp: Ngành của nền KTQD và ngành trong doanh nghiệp NN**
- + **Ngành của nền KTQD được xem xét và phân biệt với nhau ở 4 tiêu chí: Đối tượng, công cụ, quy trình sản xuất và sản phẩm sản xuất ra.**
- + **Ngành trong cơ sở kinh doanh nông nghiệp được phân biệt với nhau ở vị trí của nó trong doanh nghiệp đó, vì vậy có 3 khái niệm về ngành của ngành trong doanh nghiệp: Ngành chính, ngành bổ sung và ngành phụ...**
- + **Ngành trong nền KTQD cố định trong xem xét, nhưng nó thay đổi khi xem xét ở trong DN NN**

- Nguyên tắc phối hợp các ngành trong DNNN

- Đảm bảo cho ngành chính phát triển tốt: Do vị trí của ngành, Xác định ngành chính trước trong xá định PHKD, bố trí các nguồn lực tốt nhất khi XDPHKD và tổ chức KD.
- Sử dụng triệt để, có hiệu quả các yếu tố sản xuất trong kinh doanh nông nghiệp: Do đặc điểm nguồn lực và yêu cầu phát triển nông nghiệp; yêu cầu bố trí nguồn lực, tổ chức khai thác, sử dụng các nguồn lực...
- Sử dụng tốt các sản phẩm phụ của các ngành: Do yêu cầu hiệu quả, do đặc điểm sản phẩm, do mối quan hệ ngành...
- Thúc đẩy cho vốn của các cơ sở kinh doanh nông nghiệp luân chuyển nhanh chóng: Do đặc điểm sản phẩm, huy động và sử dụng vốn trong KDNN

1.2. Xác định và lựa chọn phương hướng kinh doanh trong cơ sở kinh doanh nông nghiệp

1.2.1. Khái niệm, ý nghĩa

- Khái niệm: PHKD là sự biểu hiện về mặt định hướng chuyên môn hóa và phối hợp các ngành trong KDNN.
- Ý nghĩa: Phương hướng KD trả lời câu hỏi sản xuất, kinh doanh cái gì để đáp ứng yêu cầu của xã hội và đạt được hiệu quả kinh doanh cao.

PHKD không cố định, hoàn thiện dần và có tính ổn định tương đối, có thể có thay đổi khi: Xác định không hợp lý, nhu cầu thị trường thay đổi, do quy hoạch thay đổi, do tác động của khoa học và công nghệ, do tác động của các điều kiện tự nhiên...

1.2. Xác định và lựa chọn phương hướng kinh doanh trong cơ sở kinh doanh nông nghiệp

1.2.1. Khái niệm, ý nghĩa

- Khái niệm: PHKD là sự biểu hiện về mặt định tính hướng chuyên môn hóa và phối hợp các ngành trong KDNN.
- Ý nghĩa: Phương hướng KD trả lời câu hỏi sản xuất, kinh doanh cái gì để đáp ứng yêu cầu của xã hội và đạt được hiệu quả kinh doanh cao.

PHKD không cố định, hoàn thiện dần và có tính ổn định tương đối, có thể có thay đổi khi: Xác định không hợp lý, nhu cầu thị trường thay đổi, do quy hoạch thay đổi, do tác động của khoa học và công nghệ, do tác động của các điều kiện tự nhiên...

1.2.2. Xác định phương hướng kinh doanh nông nghiệp

- Trình tự xác định phương hướng kinh doanh: Phương hướng KD được xác định theo trình tự sau:

(1) Xác định ngành sản xuất, kinh doanh chính: Do vị trí của ngành; các xác định: Phân tích các căn cứ, xác định tiềm năng lợi thế tìm ra ngành chính.

(2) Xác định ngành bổ sung, tiếp đó là ngành phụ: dựa trên phân tích căn cứ, các yêu cầu và việc sử dụng nguồn lực của ngành chính, phân tích đặc trưng của các ngành bổ sung và ngành phụ, đặc biệt là nguyên tắc phối hợp các ngành để xác định các ngành này cụ thể là sản xuất kinh doanh cái gì...

(3) Sau khi xác định cần phân tích hiệu quả để điều chỉnh và lựa chọn PHKD.

2. QUY MÔ SẢN XUẤT KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

2.1. Tập trung hóa kinh doanh nông nghiệp

- Tập trung hóa kinh doanh nông nghiệp là một trong các quá trình tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, là quá trình tập trung các yếu tố của sản xuất nông nghiệp (ruộng đất, lao động và TLSX) để nâng cao quy mô SXKD nông nghiệp
- Tập trung hóa SXKDNN diễn ra theo chiều rộng (tăng số lượng các yếu tố sản xuất) và chiều sâu (tăng chất lượng các yếu tố SX – năng lực tạo thêm SX).
- Sự gia tăng các yếu tố trong tập trung hóa KDNN trong mối quan hệ tỷ lệ giữa các yếu tố - Tập trung hóa hợp lý.
- Tập trung hóa KDNN gắn liền với CNH KDNN, có mối quan hệ biện chứng với CNH KDNN

2.2. Xác định quy mô sản xuất kinh doanh NN

2.2.1. Khái niệm quy mô SXKDNN

Quy mô SXKDNN là biểu hiện mức độ tập trung các yếu tố SXKDNN trên phạm vi không gian và thời gian nhất định để tạo ra khối lượng sản phẩm tương ứng.

Mối quan hệ của các yếu tố đầu vào với khối lượng sản phẩm được thể hiện qua hàm sản xuất

$$Q = f(x_1, x_2, x_3 \dots x_n)$$

Người ta có thể xác định mức sản lượng tối ưu khi chi phí biên bằng doanh thu biên. Vì vậy, quy mô của các cơ sở kinh doanh nông nghiệp có những giới hạn nhất định. Đó chính là quy mô kinh doanh hợp lý của các cơ sở kinh doanh nông nghiệp.

Quy mô của các cơ sở KDNN có mối quan hệ khác với công nghiệp do mối quan hệ giữa sản lượng với sản lượng nông nghiệp, trong đó sự chi phối của các quy luật sinh học, chi phối một cách đặc thù.

1.2.2. Các chỉ tiêu biểu hiện quy mô SXKDNN

- Các chỉ tiêu trực tiếp

- + Giá trị sản lượng: Cách tính, sự phản ánh về quy mô...
- + Giá trị sản phẩm hàng hóa: Cách tính, sự phản ánh về quy mô...

- Các chỉ tiêu trực tiếp

- + Diện tích đất đai
- + Số đầu gia súc
- + Số lượng lao động, sô hộ, giá trị tài sản cố định

- Sự kết hợp giữa các chỉ tiêu trực tiếp và gián tiếp: mức độ phản ánh và sự biểu hiện của các chỉ tiêu qua thời gian

1.2.3. Xác định quy mô hợp lý và điều chỉnh quy mô

- **Xác định quy mô hợp lý:** Mọi sự tập trung hóa các yếu tố đều hình thành quy mô; tuy nhiên, mục tiêu là xác định quy mô hợp lý. Tiêu chí là xác định mức độ kết hợp để đạt được Q lớn nhất, với chi phí thấp nhất, doanh thu cao nhất.
- **Vấn đề điều chỉnh quy mô:** Quy mô xác định và ổn định ở mức độ nhất định, tuy nhiên trong nhiều trường hợp vẫn cần điều chỉnh quy mô. Đó là:
 - + Xác định không hợp lý.
 - + Nhu cầu thị trường thay đổi.
 - + Công nghệ sản xuất thay đổi.
 - + Chuyên môn hóa sản xuất thay đổi.
- Các hướng điều chỉnh: Theo chiều rộng (mở rộng hay thu hẹp các yếu tố SXKD), chiều sâu, liên kết giữa các cơ sở KD

3. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

3.1. Ý nghĩa và nguyên tắc

3.1.1. Ý nghĩa

- Kế hoạch là chức năng, là công cụ quản lý kinh tế và KDNN
- Kế hoạch phân biệt hoạt động của con người với động vật
- Là điều kiện để thực hiện các mục tiêu kinh doanh nông nghiệp
- Là công cụ để cơ sở KD chủ động khai thác các nguồn lực của cơ sở KDNN
- Là phương tiện để cơ sở KDNN phát hiện ra điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ thách thức...
- Giúp cơ sở KDNN chủ động tránh được các rủi ro, ứng phó được các biến động bất thường...
- Đối với hộ nông dân: là công cụ để thay đổi tư duy, cách thức tổ chức sản xuất, kinh doanh...

3.1. Ý nghĩa và nguyên tắc

- Phù hợp với nhu cầu thị trường
- + Lý do: SX đáp ứng nhu cầu thị trường
- + Yêu cầu: Thị trường vừa là đối tượng, vừa là căn cứ của KHKD, phân tích thị trường, dự báo nhu cầu thị trường...
- Phải đảm bảo tính khoa học
- + Lý do: Do bản chất, nội dung, vai trò của bản KH
- + Yêu cầu: Phù hợp giữa nội dung, phương pháp, chỉ tiêu với các điều kiện, giữa các hệ thống chỉ tiêu...
- Đảm bảo tính linh hoạt: Do nội dung, do phương pháp xây dựng KH, yêu cầu: Thường xuyên rà soát, điều chỉnh...
- Đảm bảo tính pháp lý: Tính chất của KH...

3.2. Hệ thống kế hoạch của cơ sở KDNN

3.2.1. Kế hoạch tổ chức xây dựng cơ sở KDNN

- Xây dựng khi thành lập hay điều chỉnh DN
- Nội dung: Xây dựng mục tiêu tổng quát, xác định phạm vi ranh giới, quy mô và cơ cấu SXKD; bố trí hệ thống công trình XD/CB phục vụ sản xuất và bố trí các ngành, các yếu tố sản xuất; Bố trí sắp xếp đời sống; xác định nhu cầu vốn, xác định hiệu quả của phương án tổ chức DN.

3.2.1. Kế hoạch dài hạn và trung hạn 3-7 năm

- Là KH cụ thể hóa KH tổ chức xây dựng cơ sở KDNN
- Nội dung: KH phát triển các loại sản phẩm; KH xây dựng cơ bản, KH sử dụng đất đai; KH trang bị và sử dụng các TLSX, KH lao động, KH vốn và huy động vốn...

3.2. Hệ thống kế hoạch của cơ sở KDNN

3.2.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm

- Xây dựng để thực thi các kế hoạch dài và trung hạn...
- Nội dung: Xây dựng KH sản xuất các ngành trồng trọt, chăn nuôi, công nghiệp chế biến và dịch vụ; KH xây dựng cơ bản, KH trang bị và sử dụng TLSX, lao động, sử dụng đất đai, tiêu thụ sản phẩm và kế hoạch tài chính

3.2.4. Kế hoạch thời vụ sản xuất ngành trồng trọt

- Là KH ngắn hạn, rất cần thiết và có vai trò quan trọng trong hệ thống KH của cơ sở KDNN
- Nội dung: Tên sản phẩm hoặc công việc và khối lượng công việc cần thực hiện, thời gian bắt đầu và kết thúc công việc; nhu cầu các yếu tố vật chất thực hiện...

3.3. Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch

3.2.5. Kế hoạch quý, tháng

- Xây dựng cho các ngành chăn nuôi, chế biến và dịch vụ, giống về nội dung, nhưng thực thi theo quý, tháng...
- Nội dung: Tên sản phẩm, công việc và khối lượng sản phẩm, công việc cần thực hiện; thời gian bắt đầu và kết thúc, nhu cầu yếu tố vật chất thực hiện, các biện pháp tổ chức thực hiện và đánh giá sơ bộ KH

3.2.6. Kế hoạch phân công

- Kế hoạch phân công còn gọi là KH giao việc.
- Căn cứ XD: Các loại KH.
- Nội dung: Tên công việc, địa điểm, thời gian hoàn thành, các tổ chức cá nhân thực hiện, các biện pháp áp dụng,...